

Số: 06/2020/QĐST-KDTM

H, ngày 13 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Anh T – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh số 4 Th

Địa chỉ: Số 389, đường Tr, phường N, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Hùng Th – Công ty Luật Hợp danh H.

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T.

Địa chỉ: Km 11, Quốc lộ 1 A, khu Công nghiệp xã Hoằng Phú, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hùng M – Chức vụ Giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 11, đường Đ, Phường B, Thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về số tiền nợ:**

- Tính đến ngày 05/11/2020, theo hợp đồng tín dụng số 3532-LAV-202000131 ngày 20/01/2020, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 15.709.945.209đ (bao gồm tiền nợ gốc: 15.400.000.000đ và nợ lãi là 309.945.209đ (gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn).

*** Về tài sản bảo đảm:**

Nghĩa vụ của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T theo Hợp đồng tín dụng số 3532-LAV-202000131 ngày 22/01/2020 được bảo đảm bằng các tài sản tại các Hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số DN03002/2014/HĐBĐ ngày 22/01/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản số DN03003/2014/HĐBĐ ngày 22/01/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản số DN03004/2014/HĐBĐ ngày 22/01/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số DN03006/2014/GĐBĐ ngày 22/01/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số TXUYEN/03/034/2015/HĐBĐ ngày 19/11/2015.

Ngoài ra, ngày 14/01/2020 Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T cam kết chậm nhất đến ngày 30/04/2020 sẽ bổ sung thêm tài sản thế chấp là dây truyền sản xuất cột dự ứng lực cho Ngân hàng, tuy nhiên đến nay vẫn chưa bổ sung được tài sản thế chấp này.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2020, hiện các tài sản thế chấp còn lại gồm:

- *Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số DN03002/2014/HĐBĐ ngày 22/01/2014:*

- + Máy quay li tâm (từ $\Phi 400$ – $\Phi 1000$, dài 14m): 01 bộ
- + Cổng trục Q=5tấn, khẩu độ 14m: 01 bộ
- + Ray cổng trục: 6.000 kg
- + Nồi hơi 500kg: 01 bộ
- + Khuôn cột điện li tâm loại 10m: 02 bộ
- + Khuôn cột điện li tâm loại 12m: 02 bộ
- + Khuôn gốc cột điện li tâm loại 6m: 01 bộ

- *Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số DN03003/2014/HĐBĐ ngày 22/01/2014:*

- + Máy đột dập liên hợp: 01 cái
- + Máy phát điện ISUZU: 01 cái
- + Cổng trục lăn hai dầm Q=20 tấn, Khẩu độ 14 m: 01 bộ

- + Máy quay li tâm (từ $\Phi 300$ - $\Phi 2000$, dài 4m): 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 300/40$ dài 4m loe 2 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 400/40$ dài 4m loe 2 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 800/40$ dài 4m loe 2 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 1.000/100$ dài 4m loe 2 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 300/50$ dài 3m loe 1 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 600/60$ dài 3m loe 1 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 1.000/100$ dài 3m loe 1 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 500/50$ dài 3m loe 1 đầu: 01 bộ
- + Khuôn ống cống li tâm $\Phi 750/80$ dài 3m loe 1 đầu: 01 bộ

- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số : DN03004/2014/HĐBĐ ngày 22/01/2014.

- + Trạm trộn bê tông thương phẩm công suất $30\text{m}^3/\text{giờ}$: 01 trạm
- + Máy quay li tâm (từ $\Phi 400$ – $\Phi 1000$, dài 14m): 01 bộ
- + Máy gia công thép vòng: 01 bộ
- + Máy kéo thẳng thép: 01 bộ

- Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số DN03006/2014/GĐBĐ ngày 22/01/2014:

- + Khuôn cột điện li tâm loại 7,5m, số lượng 03 bộ;
- + Khuôn cột điện li tâm loại 8,5m, số lượng 03 bộ
- + Khuôn cột điện li tâm loại 10m, số lượng 05 bộ
- + Khuôn cột điện li tâm loại 12m, số lượng 05 bộ
- + Khuôn cột điện li tâm loại 14m (liền), số lượng 01 bộ
- + Khuôn cột điện li tâm loại 14m (4m gốc), số lượng 01 bộ
- + Khuôn cột điện li tâm loại 20m (10m gốc), số lượng 01 bộ
- + Cổng trục 10t ngoài trời, số lượng 01 cái
- + Cổng trục 20t trong nhà, số lượng 01 cái
- + Cổng trục 10t trong nhà, số lượng 01 cái
- + Xe gòng vận chuyển cột, số lượng 01 cái
- + Máy quay li tâm, số lượng 01 cái
- + Puly động cơ, số lượng 01 cái
- + Khuôn cống 800/80, số lượng 01 cái
- + Mặt chắn khuôn 800/80, số lượng 05 cái
- + Khuôn cống 1500/120, số lượng 01 cái
- + Mặt chắn khuôn 1500/120, số lượng 03 cái
- + Khuôn cống 2000/150, số lượng 01 cái
- + Mặt chắn khuôn 2000/150, số lượng 02 cái

+ Giá quần thép 1500 – 2000, số lượng 02 cái

+ Máy xả vữa vào khuôn, số lượng 01 cái

+ Đường dây và trạm biến áp, số lượng 01 trạm.

- Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TXUYEN/03/034/2015/HĐBĐ ngày 19/11/2015:

+ Nhà bảo vệ, diện tích xây dựng 9,0m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, xây dựng năm 2007;

+ Nhà hành chính, diện tích xây dựng 366,3m², diện tích sàn 1.098,9m², nhà 03 tầng cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp tôn, xây dựng năm 2007;

+ Gara ô tô, diện tích xây dựng 67,2m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, xây dựng năm 2010;

+ Nhà ăn, diện tích xây dựng 109,7m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, xây dựng năm 2007;

+ Kho chứa vật liệu, diện tích xây dựng 182,0m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu tường gạch, khung sắt, mái tôn, xây dựng năm 2010;

+ Nhà sản xuất cột điện bê tông, diện tích xây dựng 543,8m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu tường gạch, khung sắt, mái tôn, xây dựng năm 2007;

+ Nhà tạo hình, diện tích xây dựng 646,5m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu tường gạch, khung sắt, mái tôn, xây dựng năm 2007;

+ Nhà nghỉ ca công nhân, diện tích xây dựng 72,5m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, xây dựng năm 2007;

+ Nhà để xe công nhân, diện tích xây dựng 56,0m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu tường gạch, mái ngói, xây dựng năm 2012;

+ Nhà sản xuất ống cống li tâm, diện tích xây dựng 427,8m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu khung sắt, cột trụ bê tông, mái tôn, xây dựng năm 2012;

+ Nhà điều hành bộ phận sản xuất ống cống li tâm, diện tích xây dựng 323,4m², diện tích sử dụng 646,8m², nhà 02 tầng cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, lợp ngói, xây dựng năm 2012;

+ Nhà xưởng số 02, diện tích xây dựng 1.265,6m², nhà 01 tầng cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp tôn, xây dựng năm 2015;

+ Tường rào, cổng sắt và rào sắt, tường xây bằng gạch, xây dựng năm 2007.

Theo hợp đồng thế chấp số TXUYEN/03/034/2015/HĐBĐ ngày 19/11/2015, toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên gắn liền với quyền sử dụng đất của thửa đất số 81, tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 1995, có diện tích 7.275,0m², tại địa chỉ: Quốc Lộ 1A, khu Công nghiệp xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BP 923672, do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/9/2013, người sử dụng đất: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại

tổng hợp T (nay là Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T);
Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm; Thời hạn sử dụng: đến ngày 28/4/2033;

Như vậy, theo các hợp đồng thế chấp hai bên ký kết, tài sản thế chấp đã bị thất thoát, không còn tại thời điểm xem xét, thẩm định gồm:

+ Khuôn cột điện li tâm loại 8,5m: Thiếu 05 bộ

+ Khuôn cột điện li tâm loại 10m: Thiếu 05 bộ

+ Khuôn cột điện li tâm loại 12m: Thiếu 02 bộ

+ Khuôn cột điện li tâm 14m liền: Thiếu 03 bộ

+ Khuôn cột điện li tâm 14m (4m góc): Thiếu 02 bộ

+ Khuôn cột điện li tâm 20m liền (10m góc): Thiếu 02 bộ

+ Máy trộn bê tông 0.75HP: Thiếu 01 máy

+ Máy trộn bê tông 1.5HP có dung tích thùng trộn 200L: Thiếu 02 máy

Đối với tài sản cam kết thế chấp bổ sung: Toàn bộ tài sản Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T cam kết thế chấp bổ sung cho Ngân hàng N vào ngày 14/01/2020 là toàn bộ dây chuyền dự ứng lực, bao gồm: (Dàn quay gồm: Động cơ dàn quay, Tủ điều khiển; Máy kéo thép tự động; Máy đo cắt thép tự động; Máy dập đầu thép tự động; Máy gia công lòng thép tự động; Máy dải vữa vào khuôn tự động), đã bị thất thoát, không còn tại thời điểm xem xét, thẩm định.

*** Về phương thức trả nợ:**

Các bên thống nhất: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/11/2020 là 15.709.945.209đ (bao gồm tiền nợ gốc: 15.400.000.000đ và nợ lãi (gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 309.945.209đ). Ngoài ra Công ty còn phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 05/11/2020 trên tổng số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản nợ, lãi xuất theo lãi xuất của hợp đồng tín dụng số 3532-LAV-202000131 ngày 20/01/2020.

*** Thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp như sau:**

- Các bên thống nhất: Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T không trả được nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên toàn bộ tài sản thế chấp còn lại như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2020 và các tài sản khác của Công ty để bảo đảm thi hành án, thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Đối với các tài sản thế chấp và tài sản cam kết thế chấp bổ sung đã bị thất thoát, không còn tại thời điểm xem xét, thẩm định, các bên thống nhất: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T và Ngân hàng N có quyền

yêu cầu các cơ quan chức năng xác minh, thu hồi để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty cho Ngân hàng.

* **Về án phí:** Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tổng hợp T phải nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 61.855.000đ (*Sáu một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **63.816.000đ** (*Sáu ba triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **AA/2019/0010117 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.**

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân